

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SON-TKV
Số: **2566** /BC-TCS-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Cầm Phả, ngày 18 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Ký bởi: Phạm Phú Mỹ
Ngày ký: 24/03/2025 13:31:22
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 5702053837, đăng ký lần đầu: Ngày 05 tháng 08 năm 2020, Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/10/2021 và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 10/5/2023 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

- Vốn điều lệ: 428 467 730 000 VNĐ

- Địa chỉ: Tổ 1, khu Cao Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 862 337

- Fax: 02033 863 945

- Email: Caosoncoal@gmail.com

- Website: www.thancaoson.vn

- Mã cổ phiếu: CST

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV là công ty con thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV nắm giữ 65,14% cổ phần) hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ than lộ thiên. Công ty được thành lập từ ngày 05/8/2020 trên cơ sở hợp nhất hai doanh nghiệp: Công ty CP Than Cao Sơn-Vinacomin (mã chứng khoán TCS) và Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin (mã chứng khoán TND), thực hiện theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu hoán đổi để hợp nhất do UBCKNN cấp số 137/GCN-UBCK ngày 10/7/2020. Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận chứng khoán số 08/2021/GCNCP-VSD ngày 04/02/2021 đối với mã cổ phiếu CST và được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận Đăng ký giao dịch cổ phiếu CST trên hệ thống UPCoM tại quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 19/4/2021; chấp thuận niêm yết cổ phiếu CST trên HNX tại quyết định số 1266/QĐ-SGDHN ngày 25/12/2025.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

	Ngành nghề kinh doanh của Công ty	Mã ngành KTQD
1	Khai thác và thu gom than cứng (chính)	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
4	Sản xuất sảm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Phá dỡ	4311
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25	Truyền tải và phân phối điện	3512
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31	Sửa chữa thiết bị khác	3319

	Ngành nghề kinh doanh của Công ty	Mã ngành KTQD
32	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất.	6810

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị:

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy: Bộ máy điều hành Công ty (tại ngày 01/01/2025) bao gồm:

+ Hội đồng quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 05 thành viên;

+ Ban Giám đốc điều hành: 07 thành viên (01 Giám đốc, 05 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng);

+ 13 phòng, bao gồm:

1- Văn phòng	8- Phòng Kỹ thuật An toàn
2- Phòng Tổ chức Lao động	9 - Phòng Đầu tư-Môi trường
3- Phòng Thanh tra - Bảo vệ	10- Phòng Kỹ thuật khai thác
4- Phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí	11- Phòng Trắc địa - Địa chất
5- Phòng Vật tư	12- Phòng KCS - Tiêu thụ
6- Phòng Kế toán, Tài chính, Thống kê	13- Phòng Điều khiển sản xuất
7- Phòng Cơ điện - Vận tải	

+ 16 Công trường, Phân xưởng:

1- Công trường Khai thác 1	9- Phân xưởng sửa chữa số 3
2- Công trường Khai thác 2	10- Phân xưởng vận tải 1
3- Công trường Khai thác 3	11- Phân xưởng vận tải 3
4- Công trường sàng tuyển tiêu thụ	12- Phân xưởng vận tải 4
5- Công trường Khoan	13- Phân xưởng vận tải 5
6- Công trường Cơ khí cầu đường	14- Phân xưởng vận tải 6
7- Phân xưởng sửa chữa số 1	15- Phân xưởng vận tải 7
8- Phân xưởng sửa chữa số 2	16- Phân xưởng vận tải 9

- Các Công ty con, Công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty sản xuất kinh doanh an toàn, đổi mới và phát triển; đảm bảo thu nhập cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp của Công ty CP Than Cao Sơn-

TKV với đội ngũ CBCNV có đủ trình độ kỹ thuật, làm chủ được thiết bị công nghệ khai thác mỏ, có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, gắn bó với công ty trong suốt quá trình phát triển, cùng nhau xây dựng công ty ngày càng ổn định và phát triển.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Với ngành nghề chính là sản xuất, kinh doanh than đá; Công ty tổ chức khai thác, chế biến kinh doanh sản phẩm than đạt công suất thiết kế mỏ theo 02 giấy phép khai thác: (1) Giấy phép khai thác số 1251/GPKT-BTNMT cấp ngày 26/6/2014 cho dự án mỏ than lộ thiên Khe Chàm II với công suất mỏ 2,5 triệu tấn/năm, được gia hạn hoạt động đến hết năm 2024; (2) Giấy phép khai thác được cấp số 280/GP-BTNMT cấp ngày 07/8/2023 cho Dự án Cải tạo mở rộng, nâng công suất mỏ than Cao Sơn, khai thác đến cốt cao -325m, công suất thiết kế mỏ 4,5 triệu tấn than/năm, tuổi mỏ đến năm 2045. Công ty CP Than Cao Sơn-TKV là công ty con của TKV, vì vậy, chiến lược trung và dài hạn của Công ty phù hợp với chiến lược của ngành Công nghiệp Than đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 16/01/2024, “về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp Than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Mục tiêu phát triển bền vững: Quá trình phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển của Ngành Công nghiệp Than Việt Nam trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên Than của đất nước, đóng góp tích cực vào việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Phát triển bền vững công ty gắn liền với việc triển khai hiệu quả các dự án mỏ. Khai thác mỏ gắn với bảo vệ môi trường, khi Công ty triển khai dự án khai thác mỏ đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong đó có phương án cải tạo và phục hồi môi trường sau kết thúc khai thác mỏ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Quá trình triển khai dự án mỏ, phát triển Công ty gắn liền với mục tiêu an sinh xã hội.

- Các rủi ro: Khai thác mỏ là ngành sản xuất tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro do đặc thù nghề nghiệp. Công ty luôn xây dựng và triển khai tất cả các phương án phòng ngừa rủi ro, thủ tiêu sự cố trong quy trình công nghệ khai thác, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, ..., đảm bảo quy chuẩn an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh (theo Nghị quyết 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐTN2024)

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của SXKD năm 2024:

Biểu 1

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm		Thực hiện	So sánh	
			Theo NQ số 01	Kế hoạch điều chỉnh		SS/ NQ (%)	SS/ KH ĐC (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5= 3/2
1	Bốc xúc đất đá	1000m ³	58.250	58.030	58.043	99,6	100,0
2	Than sx tổng số	1000tấn	4.700	5.129	5.150	109,6	100,4
-	Than nguyên khai	"	4.100	4.084	4.084	99,6	100,0
-	Than sạch từ ĐDLT	"	600	1.045	1.066	177,7	102,0
3	Than tiêu thụ	1000tấn	4.700	4.700	5.108	108,7	108,7
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	9.424,5	9.041	9.242	98,1	102,6
5	Tiền lương	Tr.đ/n/th	11,855	15,559	16,60	140,0	106,7
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	130,398	130,0	163,003	125,0	125,4

7	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	565,812	560,625	538,483	95,2	96,1
---	-----------------	---------	---------	---------	---------	------	------

2. Tổ chức và nhân sự: Danh sách Ban giám đốc điều hành

2.1. Giám đốc Phạm Quốc Việt

- + Giới tính: Nam. Số CCCD: 019074000817. Ngày cấp: 09/4/2021. Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 30/7/1974
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú:
- + Số điện thoại liên lạc: 0913479898
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

2.2. Phó Giám đốc Mai Huy Giáp

- + Giới tính: Nam. Số CCCD: 034066006447. Ngày cấp: 21/5/2019. Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 15/8/1966
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 46 - Cẩm Đông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- + Số điện thoại liên lạc: 0904655899
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ điện;
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

2.3. Phó giám đốc Nguyễn Văn Sinh

- + Giới tính: Nam. Số CMND: 036066024460. Ngày cấp: 15/01/2023. Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 28/02/1966
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 115 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- + Số điện thoại liên lạc: 0904663825
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

2.4. Phó Giám đốc Đỗ Văn Kiên

- + Giới tính: Nam. Số CCCD: 035077004409. Ngày cấp: 23/4/2021. Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 25/6/1977
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 52G khu 4A, phường Cao Xanh, TP Hạ Long, tỉnh QNinh
- + Số điện thoại liên lạc: 0912553457
- + Trình độ văn hoá: 12/12

- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

2.5. Phó Giám đốc Nguyễn Ngọc Dũng

- + Giới tính: Nam. Số CCCD: 030078014609; ngày cấp 25/6/2021; Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 13/11/1978
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu Cao Sơn 2, P.Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả, T.Quảng Ninh;
- + Số điện thoại liên lạc: 0936046688
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

2.6. Phó Giám đốc Nguyễn Ngọc Toàn

- + Giới tính: Nam. Số CCCD 022079000953; ngày cấp 17/5/2021; Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 09/10/1979;
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: SN11, tổ 9 khu 3B, P.Cẩm Trung, TP Cẩm Phả, T.Quảng Ninh;
- + Số điện thoại liên lạc: 0904706489
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô; Th.s Kinh tế phát triển;
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

2.7. Kế toán trưởng Đinh Văn Chiến

- + Giới tính: Nam. Số CCCD: 022 066 001 929; Ngày cấp: 25/06/2021; Nơi cấp: Bộ Công an.
- + Ngày tháng năm sinh: 01/9/1966
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tổ 8, khu 4, P. Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- + Số điện thoại liên lạc: 092080266
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Tài chính
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Lao động bình quân trong năm 2024 là 3.282 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Kết quả hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư năm 2024: Giá trị thực hiện đầu tư năm 2024 là 538.483 triệu đồng đạt 95,17% so với kế hoạch đầu năm (538.483trđ/565.812trđ) và đạt 96,05% so với kế hoạch điều chỉnh (538.483trđ/560.625 trđ).

- Nguồn vốn huy động:
 - + Nguồn vay thương mại: Thực hiện 353.600 tr.đồng/KH 392.400 tr.đồng.
 - + Nguồn CSH: Thực hiện 184.883 tr.đồng/KH 168.225 tr.đồng.
- Giải ngân năm 2024: 298.365. tr.đồng.
 - + Từ nguồn vay thương mại: 155.000 tr.đồng;
 - + Từ nguồn vốn CSH: 143.365 tr.đồng.
- Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư năm 2024 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	KH 2024 ĐC	TH 2024	Tình hình thực hiện
	TỔNG CỘNG	560.625	538.483	
A	<i>Trả nợ khối lượng năm trước</i>			
B	<i>Kế hoạch năm 2024</i>	560.625	538.483	
I	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>	263.359	255.661	
	Dự án nhóm B			
1	Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất Mỏ than Cao Sơn	55.876	52.819	- Tình hình thực hiện: Hiện Công ty đang thực hiện khai thác theo Giấy phép số 280/GP-BTNMT ngày 07/8/2023 và tiếp tục triển khai thực hiện các gói thầu theo kế hoạch LCNT dự án đã phê duyệt. - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 52.819/55.876 tr.đồng (95% so với KH năm 2024 điều chỉnh).
2	Dự án đầu tư xe ô tô nâng cao năng lực vận chuyển đất đá Công ty CP than Cao Sơn-TKV	180.119	184.609	- Tình hình thực hiện: Đã thực hiện kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành (theo QĐ số 10410/QĐ-TCS-HĐQT ngày 24/10/2024). - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 184.609/184.609 tr.đồng (đạt 100% so với KH 2024 đầu năm) - Giá trị quyết toán dự án: 180.371 tr.đồng.
	Dự án nhóm C			
1	Dự án ĐTXD công trình phân xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV	27.364	18.233	- Tình hình thực hiện: Hoàn thành thẩm định thiết kế BVTC (Sở Công thương thẩm định tháng 4/2024); Phê duyệt thiết kế BVTC; hoàn thành cấp phép xây dựng (tháng 8/2024); hoàn thành lựa chọn nhà thầu thi công, giám sát thi công (10/2024) và chuẩn bị các điều kiện khởi công xây dựng. Dự án đã bàn giao mặt bằng và khởi công vào tháng 11/2024. - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 18.233/27.364 tr.đồng (67% so với KH điều chỉnh).
II	<i>Các dự án khởi công mới</i>	294.895	282.743	
	Dự án nhóm B			
1	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất - Công ty cổ phần than Cao Sơn -TKV	284.457	275.832	- Tình hình thực hiện: Đã bàn giao các thiết bị (01 xe 16 chỗ; 15 xe ô tô tải tự đổ khung cứng vận chuyển đất đá, tải trọng 90-100 tấn; 02 bơm ly tâm; 04 tủ khởi động mềm). Hiện đang kiểm toán dự án hoàn thành. - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 275.832/150.331 tr.đồng (183% so với KH năm 2024 đầu năm); đạt 275.832/284.457 tr.đồng (97% so với KH năm 2024 điều chỉnh).
	Dự án nhóm C			
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình dốc nước sườn bãi thải Bàng Nâu năm 2024	7.300	6.673	- Tình hình thực hiện dự án: Dự án đã kiểm toán quyết toán hoàn thành tháng 12 năm 2024. - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 6.673/7.166

TT	Tên dự án	KH 2024 ĐC	TH 2024	Tình hình thực hiện
				tr.đồng (308% so với KH năm 2024 đầu năm); đạt 6.673/7.300 tr.đồng (91% so với KH năm 2024 điều chỉnh).
2	Dự án đầu tư thiết bị phụ trợ phục vụ sản xuất năm 2024- Công ty cổ phần than Cao Sơn -TKV	3.138	238	- Tình hình thực hiện dự án: Dự án đã được HĐQT Công ty phê duyệt Dự án và KHLCNT tại QĐ số 10440/QĐ-TCS-HĐQT ngày 24/10/2024, theo QĐ phê duyệt dự án được thực hiện trong năm 2024-2025. Hiện Công ty đang triển khai thực hiện các gói thầu kế hoạch LCNT dự án đã phê duyệt. - Giá trị thực hiện năm 2024 đạt: 238 tr. đồng.
III	<i>Chuẩn bị dự án</i>	2.371	0	
	Dự án nhóm B			
1	Dự án đầu tư trạm xử lý nước thải mỏ than Cao Sơn	50	0	Dự án không có trong kế hoạch đầu năm (TKV giao bổ sung trong KHĐT năm 2024 điều chỉnh tại Công văn số 6512/TKV-ĐT ngày 22/12/2024). Hiện Công ty chưa triển khai thực hiện trong năm.
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà rèn luyện thể chất công nhân – Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV	1.046	79	- Công ty đang triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện các gói thầu lập quy hoạch tổng mặt bằng 1/500; khảo sát địa chất công trình, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
	Dự án nhóm C			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trạm cân ô tô Barie điện tử >150 tấn cân ô tô chờ than nguyên khai từ vỉa	440	0	Công ty đang triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự án phải điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/500. Vị trí xây dựng trạm cân mới thay đổi so với vị trí quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 04/7/2022. Hiện Công ty đang lập đề cương dự toán và KHLCNT công tác chuẩn bị dự án song song với thực hiện điều chỉnh cục bộ 1/500.
2	Dự án đầu tư XDCT hệ thống thoát nước, đê, đập chắn chắn bãi thải Bàng Nâu khu vực Khe Châm II	235	0	Công trình nằm trong phương án BVMT khu vực Bàng Nâu của TKV. Công ty đã gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, gia hạn giấy chứng nhận đầu tư, gia hạn thuê đất. Tuy nhiên hiện chưa được điều chỉnh chủ trương đầu tư, chưa chuyển đổi đất, chưa được GPMB, chưa được thuê đất. Do vậy chưa thể thực hiện dự án trong năm.
3	Dự án ĐTXD công trình hệ thống thoát nước và tường chắn bụi kho than cụm sàng 2	600	0	Dự án liên quan tới quy hoạch tổng thể của “Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất Mỏ than Cao Sơn”, để thực hiện dự án, Công ty cần phải lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 (cụm sàng 2) dự án Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn để trả đất cho Công ty than Hạ Long mở rộng mặt bằng SCN Khe Châm II-IV theo chỉ đạo của TKV. Sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Công ty mới có cơ sở tiếp tục thực hiện dự án.

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	2.651.371.483.986
Doanh thu thuần	9.448.093.858.111
Lợi nhuận từ hoạt động KD	124.220.065.485
Lợi nhuận khác	38.782.742.019
Lợi nhuận trước thuế	163.002.807.504
Lợi nhuận sau thuế	130.019.867.238
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	40%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán	
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,13 lần
- Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,78 lần
2. Cơ cấu vốn	
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,57 lần
- Hệ số Nợ / vốn chủ sở hữu	1,42 lần
3. Năng lực hoạt động	
- Vòng quay hàng tồn kho: Doanh thu thuần/Hàng tồn kho bình quân	25,74 lần
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần /Tổng tài sản bình quân	3,73 lần
4. Khả năng sinh lời	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,38%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12,14%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	4,9%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	1,31%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Vốn điều lệ (VDL) của Công ty là 428.467.730.000 VNĐ được chia thành 42.846.773 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày Đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông 22/11/2024:

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Cổ đông có CP chưa lưu ký				Cổ đông có CP đã lưu ký				Ghi chú
		Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	
Tổng số cổ đông:	3371	2122	62,95	30997406	72,35	1250	37,08	11849367	27,7	
- Số cổ đông cá nhân:	3349	2113	62,68	3086186	7,20	1238	36,73	9048298	21,1	
+ Số cổ đông cá nhân trong nước:	3325	2095	62,15	3012611	7,03	1230	36,49	8931254	20,84	
+ Số cổ đông cá nhân nước ngoài:	24	18	0,53	73575	0,17	8	0,24	117044	0,27	
- Số cổ đông là tổ chức:	22	9	0,27	27911220	65,14	12	0,36	2801069	6,54	

+ Số C.đồng là tổ chức trong nước	14	7	0,21	27910620	65,14	6	0,18	547200	1,28
' Cổ đồng Nhà nước:	1	1	0,03	27909807	65,14	0	0,00	0	0,00
' Cổ đồng tư nhân:	13	6	0,18	813	0,002	6	0,18	547200	1,28
+ Số cổ đồng là tổ chức N. ngoài:	8	2	0,06	600	0,001	6	0,18	2253869	5,26

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 là: 1.070.587.112.584 VNĐ.

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

d. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty đã có 02 Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt cho 02 giấy phép khai thác:

- Quyết định số 1752/QĐ-BTNMT ngày 23/9/2013 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh).

- Quyết định số 3928/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022, về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ Than Cao Sơn.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ nhiên liệu diesel: 75.563.722 lít.

- Tiêu thụ điện năng: 52.637.288 KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước ngầm và nước mặt

- Lượng nước sử dụng: 67.159 m³ /năm.

b) Tổng lượng tái sử dụng (từ nguồn sau xử lý): 1.894.222 m³.

- Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Trạm XNLT công nghiệp: 10.151.243 m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2024: 3.295 người; Lao động bình quân năm 2024 là 3.282 người.

- Mức lương (thu nhập) trung bình đối với người lao động: 16,6 Tr.đ/ người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Tất cả cán bộ CNV và người lao động trong Công ty được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm, riêng lao động nặng nhọc độc hại được khám định kỳ 02 lần/năm và khám sàng lọc bệnh nghề nghiệp.

Công ty thực hiện công tác an toàn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04: 2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

Công ty thực hiện tốt phúc lợi cho người lao động. Hàng năm nguồn quỹ phúc lợi khen thưởng cho người lao động được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế (được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày 26/4/2024) và một phần trong chi phí sản xuất theo quy định pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Thực hiện đạt tỷ lệ 100% theo kế hoạch hàng năm được duyệt.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Huấn luyện an toàn, tập huấn nghiệp vụ, thi thợ giỏi được Công ty duy trì hàng năm.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng được Công ty thực hiện thường xuyên để an sinh xã hội của riêng công ty, tham gia với địa phương với các phong trào xóa đói giảm nghèo khác.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Công ty CP Than Cao Sơn-TKV có kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như Biểu 1.

Đánh giá chung về công tác điều hành: Năm 2024, công ty đã tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi Công ty đã chỉ đạo tăng năng suất, tăng sản lượng đảm bảo tiến độ sản lượng KH giao. Các chỉ tiêu SXKD đạt thấp hơn so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua. Tình hình SXKD Công ty là ổn định, công tác bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, đảm bảo an toàn, ANTT trong khai thác, chế biến kinh doanh than,

đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn, đạt mức lợi nhuận cao, đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Năm 2024 tình hình tài chính của Công ty ổn định. Tổng doanh thu đạt kế hoạch Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên thông qua. Tài sản tiền vốn của Công ty sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả; cơ cấu tài sản và nguồn vốn hợp lý, khả năng sinh lời cao; khả năng thanh toán công nợ ổn định.

- Khả năng sinh lời:

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản = 4,9% .
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH = 12,14% .
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,13 lần.
- + Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 0,78 lần.
- + Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 0,57 lần

b. Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Trong năm Công ty thực hiện tốt các khoản nợ phải thu, không để xảy ra thất thoát tài sản tiền vốn, không có phát sinh công nợ khó đòi và phát sinh nợ quá hạn. Công ty thực hiện quản lý nợ theo Nghị định 206/2013 ND-CP ngày 09/12/2013 và Quyết định số 1775/QĐ-TKV ngày 21/12/2021 của Tập đoàn TKV ban hành Quy chế quản lý công nợ; Quyết định số 2006/QĐ-TCS-HĐQT ngày 04/3/2024 của hội đồng quản trị Công ty ban hành quy chế quản lý công nợ Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV.

c. Tình hình nợ phải trả:

STT	Nội dung	Số cuối kỳ (31/12/2024)
I	Nợ ngắn hạn	1.325.354.371.402
1	Vay và nợ ngắn hạn	0
2	Phải trả người bán	899.031.217.624
3	Người mua trả tiền trước	0
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	139.656.433.561
4	Phải trả người lao động	212.444.691.512
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	400.000.000
6	Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	8.125.029.121
7	Qũy khen thưởng, phúc lợi	65.696.999.584
II	Nợ dài hạn	255.430.000.000
1	Vay và nợ dài hạn	255.430.000.000
2	Dự phòng phải trả dài hạn	0
	Tổng cộng	1.580.784.371.402

Khả năng thanh toán của đơn vị với khách hàng: Công ty thanh toán theo đúng hợp đồng, không có nợ quá hạn.

Khả năng thanh toán ngân sách Nhà nước: Công ty nộp đủ, đúng hạn và trước hạn các loại thuế, phí phải nộp ngân sách Nhà nước.

Khả năng thanh toán với người lao động: Hàng tháng Công ty trả lương cho người lao động theo đúng thỏa ước lao động.

Khả năng thanh toán của Công ty với ngân hàng và các tổ chức tín dụng phù hợp với điều khoản hợp đồng, kế ước vay, quy định của Nhà nước.

Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty không có công nợ quá hạn, nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Công tác quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất:

- Ngay từ đầu năm, công tác điều hành được triển khai nhanh quyết liệt và thành công; (i) Điều hành sản xuất bằng phần mềm trực tuyến, tăng xe giao ca ngoài khai trường, nâng cao giờ xe hoạt động hữu ích, nâng cao năng suất vượt định mức; (ii) Phối hợp với nhà thầu Tân Phú Xuân vận chuyển đất đổ thải đất đá qua tuyến băng tải ra bãi thải Bàng Nâu đảm bảo đạt và vượt kế hoạch và phát huy tối đa công suất của hệ thống băng tải nhằm hạ giá thành vận chuyển đất đá; (iii) Điều tiết khối lượng thuê ngoài về mức tối thiểu để đảm bảo duy trì ổn định việc làm cho CBCNV trong công.

- Công tác tiêu thụ: Công ty đã chủ động xây dựng các phương án điều hành, công tác chế biến, pha trộn để tiêu thụ cố gắng đáp ứng theo yêu cầu của TKV và tạo duy trì dòng tiền hợp lý phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Quản trị các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ theo hướng thực hiện tốt hơn kế hoạch điều hành, tập trung quản lý, nâng cao chất lượng than khai thác, thực hiện các biện pháp xúc chọn lọc để đảm bảo chất lượng than. Chất lượng than nguyên khai khai thác via chính đạt mức kế hoạch Tập đoàn TKV giao.

- Các phương án, kế hoạch khai thác được xây dựng trên điều kiện thực tế sản xuất nhằm phát huy tối đa năng suất thiết bị, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ được theo dõi, cập nhật hàng tháng, quý và có giải pháp, biện pháp điều hành quản lý nhằm đảm bảo và thực hiện tốt hơn các chỉ tiêu Tập đoàn TKV duyệt như các chỉ tiêu cung độ, khoan nổ, tỷ lệ ẩm đất đá (thực hiện < 2%), tỷ lệ thuốc nổ chịu nước...

b) Công tác quản trị chi phí:

- Thực hiện chỉ đạo của Nhà nước trong Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và chỉ đạo của Tập đoàn TKV, Công ty đã xây dựng phương án tiếp tục cho thuê 01 khu nhà điều hành để tiết kiệm chi phí tránh lãng phí (Khu nhà điều hành tại số 750 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh).

- Trong công tác khoán quản trị chi phí, Công ty đã triển khai giao khoán tối đa, tăng tính tự chủ cho các đơn vị: từ quản lý thiết bị, mua sắm vật tư, điều hành sản xuất, công khai minh bạch chi phí, tiền lương của người lao động. Tất cả khối lượng và các chi phí đều có người quản lý, chủ động cập nhật, kiểm soát số liệu. Tất cả các phòng đã được Công ty giao quản lý, quản trị các nguồn chi phí đã thực hiện đúng các quy định và phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Công ty. Trong năm, 100% các đơn vị trong Công ty đã thực hiện tiết kiệm chi phí và Công ty đã thực hiện vượt mức chỉ tiêu tiết kiệm chi phí đề ra.

c) Công tác an toàn - an ninh:

Năm 2024, Công ty đã thực hiện các quy định của pháp luật, áp dụng nhiều biện pháp để kiểm soát ngăn chặn nguy cơ. Kết quả là Công ty không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng hay sự cố lớn, tổng số vụ đã giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Năm	Số vụ TNLD	Số vụ SCTB	Tổng số
2023	05 (02 nặng, 03 nhẹ)	10 (loại 3)	15

2024	10 (nặng)	04 (loại 3)	14
So sánh	Tăng 05 vụ	Giảm 06 vụ	Giảm 01 vụ

Công tác an ninh trật tự: Thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật, của Tập đoàn TKV và của Công ty đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong ranh giới mỏ Công ty quản lý. Năm 2024 không có những vi phạm về khai thác, vận chuyển than trái phép, tình hình ANTT được giữ vững và ổn định.

d) Công tác quản lý thiết bị, vật tư

** Công tác quản lý thiết bị:*

- Hiện nay Công ty đang quản lý và sử dụng rất nhiều loại thiết bị xe, máy tiên tiến, tải trọng lớn để phục vụ sản xuất khai thác mỏ than. Công tác quản lý thiết bị đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của sản xuất. Thiết bị bố trí hợp phù hợp theo kế hoạch hàng kỳ. Một số thiết bị hết khấu hao, giá thành cao, năng suất thấp đã rà soát và được niêm cất chờ thanh lý. Chi phí sử dụng nhiên liệu bám sát kế hoạch và thực hiện tiết kiệm so với định mức. Công tác Trung tu và Sửa chữa lớn máy móc thiết bị được thực hiện tốt về tiến độ và chất lượng.

** Công tác quản lý Vật tư:*

Công ty thực hiện quản lý, mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng các quy định hiện hành, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty. Sau khi Tập đoàn TKV ban hành Bộ mã vật tư mới, các bộ phận liên quan tập trung cập nhật, hoán đổi mã vật đáp ứng yêu cầu quản lý của TKV. Tỷ lệ giá trị tồn kho vật tư nằm trong hạn mức quy định của Tập đoàn TKV.

e) Công tác Kế toán, Đầu tư, Môi trường

- Công tác Kế toán: Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thống kê đảm bảo đúng chế độ của Tập đoàn và Nhà Nước, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, thanh toán lương, đóng các loại bảo hiểm đầy đủ, đúng thời gian cho người lao động theo thỏa ước lao động, nộp đầy đủ các khoản thuế phí vào Ngân sách Nhà Nước, thanh toán với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng phù hợp với điều khoản hợp đồng, khế ước vay, quy định của nhà nước.

- Công tác Đầu tư: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn TKV và quy chế của Công ty về ĐTXD. Các dự án, hạng mục chuyển tiếp đều thực hiện đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho năm tiếp theo.

- Công tác môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, theo đó:

Thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, CNVC-LĐ trong Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác ATVSLĐ tại các công trường, phân xưởng; công tác tưới nước dập bụi tại các tuyến đường vận tải trong khai trường, xây dựng và lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại các xưởng sàng, máng ga, trạm nghiền than, hệ thống Băng tải đá. Xây dựng các công trình để bảo vệ ngăn ngừa, ứng phó sự cố môi trường như các công trình mương kè thoát nước để đập chân bãi thải... trồng cây phủ xanh những khu vực đất trống, quanh các nhà xưởng, bãi thải để cải tạo cảnh quan môi trường. Phối hợp với Công ty Môi trường-TKV xử lý nước thải mỏ phát sinh trong quá trình sản xuất Than. Thu gom, phân loại và xử lý triệt để các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh theo

quy định. Thực hiện các biện pháp tổng thể bảo vệ môi trường bãi thải Bàng Nâu đã được Tập đoàn TKV thông qua.

f) Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động:

- *Công tác lao động*: Công ty đã xây dựng các quy định, quy chế, nội quy, đảm bảo quyền lợi, lợi ích của người lao động Thực hiện tốt công tác quản lý lao động, kỷ luật lao động theo đúng với quy định.

- *Công tác tiền lương*: Công ty đã ban hành các quy chế, quy định để trả lương, thưởng cho người lao động, đã ban hành đơn giá tiền lương các công đoạn sản xuất theo hướng dẫn của Tập đoàn TKV đồng thời ban hành đơn giá tiền lương lũy tiến đối với Công nhân vận hành máy xúc đất đá, lái xe vận chuyển đất đá, vận chuyển than để khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động. Để tạo động lực đối với người lao động, Công ty đã tổ chức phát động thi đua và có cơ chế khuyến khích tiền lương. Thu nhập bình quân thực hiện năm 2024 đạt 16,6 tr.đ/ng/tháng trên kế hoạch 11,855 tr.đ/ng/tháng, bằng 140% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- *Chế độ chính sách đối với người lao động*: Tổ chức cho người lao động trong Công ty đi nghỉ dưỡng, đi thăm quan du lịch, nghỉ mát hỗ trợ điều trị theo đúng kế hoạch đề ra. Phối kết hợp với Công đoàn công ty luôn tham gia các chương trình ủng hộ công tác xã hội của Tập đoàn TKV cũng như của địa phương tỉnh Quảng Ninh phát động.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động được thực hiện chu đáo. Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung được quy định tại Quy chế quản lý lao động, tiền lương; Nội quy lao động công ty; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế hoạt động xã hội; Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, Công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động.

Công ty đã lập và cập nhật hồ sơ vệ sinh lao động đúng quy định, tổ chức đo quan trắc môi trường lao động và có các giải pháp kiểm soát phòng ngừa giảm thiểu yếu tố có hại đến người lao động. Trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn TKV và quy định của Công ty

4. Kế hoạch phát triển tương lai

- a. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của dự án mở được cấp phép.
- b. Đầu tư đổi mới công nghệ chuyển đổi số, đổi mới thiết bị khai thác mỏ.
- c. Xây dựng và thông qua để thực hiện Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên nền tảng thực hiện Dự án cải tạo, nâng công suất Mỏ than lộ thiên Cao Sơn đã được cấp Giấy phép khai thác số 280/GP-BTNMT ngày 07/8/2023, đáp ứng yêu cầu của Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2024.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Khai thác mỏ gắn với bảo vệ môi trường, Công ty triển khai dự án khai thác mỏ đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong đó có phương án cải tạo và phục hồi môi trường sau kết thúc khai thác mỏ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về lao động. Duy trì ổn định việc làm, luôn cải thiện điều kiện môi trường làm việc, đảm bảo thu nhập, đời sống cho người lao động trong Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Quá trình triển khai dự án mở, phát triển Công ty gắn liền với mục tiêu an sinh xã hội trên địa bàn địa phương. Năm 2024 đã thực chi cho công tác xã hội ngoài Công ty là 1.408 tr.đồng, trong đó: Nộp quỹ phòng chống thiên tai thành phố Cẩm Phả: 262,055 Tr. đồng, nộp quỹ mái ấm công đoàn TKV: 131,4 Tr.đồng (quỹ người lao động đóng góp). Trong kỳ Công ty được giao nhiệm vụ công ích đóng góp 73,266 Tr. đồng xây dựng nông thôn mới huyện Bình Liêu.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2024, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong lãnh đạo đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt được năng suất lao động, năng suất thiết bị tăng cao; tiết kiệm chi phí. Đội ngũ cán bộ đã thể hiện rõ được bản lĩnh, vai trò, trách nhiệm, chủ động thực hiện và phối hợp thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý, điều hành. Đội ngũ công nhân, người lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, quản lý xe máy tốt hơn, tận dụng tối đa thời gian làm việc trong ca để nâng cao giờ hoạt động làm ra sản phẩm, nâng cao năng suất thiết bị, nhiều xe đạt và vượt định mức TKV và Công ty giao. Những kết quả nêu trên của tập thể CNVC-LĐ Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm kế hoạch. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ Công ty đến các công trường, phân xưởng, phòng ban với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, tâm huyết, trách nhiệm, đoàn kết đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tập thể lãnh đạo tiếp tục tạo dựng đội ngũ CNVC-LĐ gắn bó phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của người thợ mỏ, xây dựng Công ty phát triển.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban điều hành đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Sản xuất kinh doanh an toàn, Công ty hoàn thành kế hoạch (điều chỉnh) sản xuất kinh doanh năm 2023, bảo toàn vốn, hoàn thành lợi nhuận ở mức rất cao và bảo đảm thu nhập cho người lao động cao hơn năm trước.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

Năm 2025, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động do ảnh hưởng từ các cuộc chiến tranh Nga – Ucraina, cuộc chiến tranh Israen – Hamas ở Trung Đông, chiến tranh thương mại, dự báo thị trường năng lượng nói chung và thị trường tiêu thụ Than còn nhiều thách thức. Nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty, cổ tức cho cổ đông, tranh thủ điều kiện thuận lợi, vượt qua các thách thức và phát triển, Hội đồng quản trị công ty tập trung giải quyết các vấn đề sau:

a) Chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 để thông qua các nội dung định hướng cho hoạt động của Công ty.

b) Tăng cường quản trị công ty minh bạch, công khai theo hướng công nghệ hóa, triển khai Đề án chuyển đổi số của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo quyết định số 243/QĐ-TKV ngày 31/01/2024, về “phê duyệt Đề án chuyển đổi số của TKV đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030; Thực hiện tốt vai trò của Ban chỉ đạo và tổ giúp việc chuyển đổi số của Công ty theo Quyết định số 1668/QĐ-TCS-TCLĐ ngày 21/02/2024 của Giám đốc Công ty, V/v Thành lập Ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện chuyển đổi số của Công ty đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Thông qua và triển khai thực hiện dự án đầu tư chuyển đổi số tại công ty trong năm 2025. Chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành thực hiện đúng, hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. HĐQT chỉ đạo Giám đốc điều hành quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ, giảm giá thành sản phẩm, tăng năng suất thiết bị, năng suất lao động, thực hiện hiệu quả quản trị chi phí.

c) Quản trị tốt Công ty, sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, đạt lợi nhuận cao, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các nhà đầu tư, cổ đông của công ty.

d) Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập và các quyền lợi của đội ngũ CBCNV-Người lao động trong Công ty. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên, cơ cấu

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 uỷ viên :

- Ông Vũ Văn Khẩn, Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phạm Quốc Việt, Uỷ viên HĐQT, kiêm Giám đốc điều hành;
- Ông Trần Phương Nam, Uỷ viên thường trực HĐQT;
- Ông Mai Huy Giáp, Uỷ viên HĐQT.
- Ông Vũ Trọng Tuấn, Uỷ viên HĐQT (được miễn nhiệm từ ngày 06/9/2024);
- Ông Nguyễn Ngọc Toàn, Uỷ viên HĐQT (được bổ nhiệm từ ngày 06/9/2024).

Trong 5 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý công ty và 02 là thành viên HĐQT không điều hành. Các Thành viên HĐQT hoạt động theo quy chế và thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo Nghị quyết về phân công từng thành viên. Theo đó mỗi thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

b) Các tiểu ban

Các phòng ban trong công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT công ty đã tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành của thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

c) Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp trực tiếp và 25 lượt lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành 244 văn bản [trong đó có 42 Biên bản cuộc họp, 44 nghị quyết (38 nghị quyết chung, 03 nghị quyết chuyên đề, 03 Nghị quyết của ĐHCĐ), 55 quyết định và 103 văn bản khác]. Hội đồng quản trị đã sửa đổi, bổ sung và ban hành 10 quy chế quản lý [bao gồm: Quy nội bộ Công ty. Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty đã thường xuyên rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới các quy định để quản lý các mặt công tác.

d) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Ông Vũ Văn Khẩn; ông Phạm Quốc Việt; ông Vũ Trọng Tuấn.

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Tham gia các lớp học đào tạo quản lý tại Trường quản trị kinh doanh TKV.

Danh sách thành viên HĐQT sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:

- Ông Phạm Quốc Việt, TV HĐQT, kiêm Giám đốc sở hữu 1.167 cổ phiếu của Công ty (mã CK: CST).
- Ông Mai Huy Giáp, TV HĐQT, kiêm Phó giám đốc sở hữu 2.450 cổ phiếu của Công ty (mã CK: CST).
- Ông Vũ Trọng Tuấn, TV HĐQT, kiêm Phó giám đốc sở hữu 12.244 cổ phiếu của Công ty (mã CK: CST).
- Ông Nguyễn Ngọc Toàn, TV HĐQT sở hữu 133 cổ phiếu của Công ty (mã CK: CST).

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: 05 người,

- Bà Nguyễn Thị Lịch, Trưởng ban;
- Bà Dương Thị Thu Phong, TV BKS;
- Ông Nguyễn Huy Hoàng, TV BKS;
- Bà Đào Thị My, TV BKS.
- Bà Nguyễn Thị Dung, TV BKS (được miễn nhiệm từ ngày 24/12/2024);
- Bà Hà Thị Diệp Anh, TV BKS (được bổ nhiệm từ ngày 24/12/2024);

Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không

b) Hoạt động khác của Ban kiểm soát:

Ban KS đã tập trung kiểm tra, kiểm soát các nội dung theo kế hoạch đã lập liên quan đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty. Giám sát HĐQT thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, giám sát Ban giám đốc Công ty triển khai nghị quyết của HĐQT, giám sát các chỉ tiêu SXKD do Ban Giám đốc điều hành theo phương án kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024; Kiểm soát việc điều hành, số liệu báo cáo SXKD hàng tháng, quý, kế hoạch đầu tư xây dựng, lao động tiền lương, tài chính,....

Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, thông qua đó nắm bắt chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả giám sát cho thấy hoạt động SXKD của Công ty diễn ra liên tục, an toàn, ổn định, minh bạch đúng theo quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo kế hoạch công tác; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng quản trị trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, của Giám đốc trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chủ động phối hợp cùng HĐQT, Giám đốc công ty trong các mặt công tác, quản lý điều hành SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích:

DVT: 1000 đồng

TT	Chức danh	Số người	Lương		Thù lao, phụ cấp		Ghi chú
			Người	Tiền	Người	Tiền	
1	Hội đồng quản trị	05			05	271.920	
2	Ban kiểm soát	05			05	265.200	
3	Người quản lý khác	07	07	3.774.816			
	Cộng			3.774.816		537.120	

b) Giao dịch cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Phú Mỹ	Thư ký công ty	2.600	0,006	0	0	Bán
2	Phạm Thị Hạnh	NLQ ông Phạm Phú Mỹ	7.426	0,017	0	0	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người/tổ chức liên quan:

Căn cứ Nghị quyết số 01A/NQ-TCS-HĐQT ngày 24/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV đã thông qua các hợp đồng giao dịch, Công ty báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo Nghị quyết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết hợp đồng, giao dịch	Số Hợp đồng/Ngày ký	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần kinh doanh than Cẩm Phả-Vinacomin	Số 170 Trần Phú, P Cẩm Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh	- Mua bán than trong đất đá lẫn than và các lĩnh vực phục vụ SXKD của Công ty	Tổng giá trị:	122,51	
				Số 2010/HĐ-TCS-KH ngày 04/2/2024 - Bã sàng lẫn than	62,6	
				Số 8585/HĐ-TCS-KH ngày 05/9/2024 - Bã sàng lẫn than	23,04	
				Số 8457/HĐ-TCS-KH ngày 07/11/2023 - Bã sàng lẫn than	36,87	

2	Công ty CP Địa chất mỏ-TKV	Số 304 Trần Phú, P Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	- Công tác trắc địa, địa chất, khoan thăm dò và các lĩnh vực phục vụ SXKD của Công ty .	Số 3290/HĐ-TCS-KH ngày 10/4/2024 - thành lập bản đồ chất lượng than	0,45	
3	Công ty Than Hạ Long-TKV	Tổ 35, Khu Diêm Thủy, P. Cẩm Đông, Cẩm Phả, Quảng Ninh	- Các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	số 798/THL-HĐ ngày 29/12/2023- thuê quản lý, vận hành trạm biến áp	1,18	
4	Công ty CP Địa chất và khoáng sản-Vinacomin	Số 173 Trương Định, P9, Q3, TP Hồ Chí Minh	Công tác trắc địa, địa chất, khoan thăm dò và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Số 5511/HĐ-TCS-KH ngày 16/9/2024- Thi công khoan thăm dò phục vụ khai thác mỏ than Cao Sơn năm 2024.	1,63	
5	Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ	Số 565 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP.Hà Nội	- Mua bán vật tư hàng hóa và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Tổng số 18 hợp đồng,	4,98	

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV đã thông qua các hợp đồng giao dịch, Công ty báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch năm 2024 như sau:

(1) Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than năm 2024 số: 363-2023/HĐKD ngày 29/12/2023 giữa Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

- + Đơn vị ký kết: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- + Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 9.032,6 tỷ đồng.

Theo đó hợp đồng giữa Công ty với TKV (*Tập đoàn TKV là cổ đông lớn đang sở hữu 65% vốn điều lệ của Công ty*).

Giá trị thực hiện hợp đồng giữa Công ty với TKV nêu trên đã/và bao gồm thông qua các hợp đồng với các chi nhánh của TKV:

(2) Hợp đồng số: 05 /HĐ-TTCO ngày 02/01/2024 V/v mua bán than mỏ năm 2024 (vận chuyển bằng đường sắt) giữa Công ty với Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty tuyển than Cửa Ông-TKV: Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 5.090,8 tỷ đồng.

(3) Hợp đồng số: 07/HĐ-TTCO ngày 02/01/2024, V/v mua bán than mỏ năm 2024 (vận chuyển bằng băng tải cấp cho Phân xưởng tuyển than 4 - Công ty tuyển than Cửa Ông) giữa Công ty với Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty tuyển than Cửa Ông-TKV. Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 2.382,3 tỷ đồng.

(4) Hợp đồng số: 09/HĐ-TTCO ngày 02/01/2024, V/v mua bán than nguyên khai năm 2024 (than nguyên khai giao thẳng) giữa Công ty với Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp

Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty tuyển than Cửa Ông-TKV. Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 543,3 tỷ đồng.

(5) Hợp đồng mua bán than năm 2024 số: 04/2024/HĐ/KVCP-TCS ngày 01/01/2024 giữa Công ty với Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin. Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.016,2 tỷ đồng.

(6) Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02/HĐMB/VTCP-TCS/2024 ngày 29/02/2024 giữa Công ty với Công ty CP Vật tư – TKV ủy quyền cho Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả. Giá trị thực hiện năm 2024 (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.133,8 tỷ đồng.

(7) Hợp đồng số: 1278 /HĐ-TCS-KH ngày 02/02/2025 Gói thầu số 03-TN 2024: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá năm 2024 giữa Công ty với Liên danh nhà thầu Tân Tiến - Quảng Hưng - Nam Đông Sơn - Hoa Sơn - Trung Nghĩa - Vân Đồn Đ&T. Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.249,9 tỷ đồng.

(8) Giao dịch trong năm 2024 của Phụ lục hợp đồng ngày 29/12/2023 - Hợp đồng 1968/HĐ-TCS-KH>SP ngày 08/4/2014, về việc thuê vận chuyển đất đá bằng hệ thống băng tải, giữa Công ty với Công ty CP Tân Phú Xuân. Giá trị thực hiện (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.003,6 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV đã thực hiện tốt nguyên tắc cơ bản, hệ thống các quy tắc về quản trị công ty để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện tốt những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp. Mọi hoạt động của công ty đều công khai, minh bạch, các cổ đông được đối xử công bằng. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC Việt Nam:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV đã công bố báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán vào ngày 18/3/2025 trên Hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin Công ty CIMS của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải tại Website của Công ty: www.thancaoson.vn (chọn mục quan hệ cổ đông, Báo cáo tài chính).

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024, Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, ĐU công ty (e-copy);
- CĐ, ĐTN, HCCB, các PGĐ, KTr (e-copy);
- Website Công ty;
- Lưu VP, VPHĐQT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Việt